

Bản án số: 44/2024/HS-ST
Ngày: 17 - 5 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang.

Thẩm phán: Ông Lê Quang Toại.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Bá Lân.

Ông Nguyễn Đức Nhơn.

Ông Phạm Hoài Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Phùng Thanh Liễu – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 53/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Q; sinh ngày 25/3/1978, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Môi giới bất động sản tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình H và bà Lý Thị H1; có chồng là Đào Hoàng N và 04 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 17/02/2023 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa theo luật định cho bị cáo Nguyễn Thị Q: Bà Phan Thị Bích X – Là luật sư Văn phòng Luật sư Phan Thị Bích X, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: Số H đường Q, thành phố Q; tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Bà Nguyễn Trần Thanh D, sinh năm 1968; có mặt tại phiên tòa.

Nơi cư trú: Số F đường H, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đào S, sinh năm 1934; vắng mặt tại phiên tòa.
Nơi cư trú: Xóm E, thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.
 2. Ông Đào Minh S1, sinh năm 1969; vắng mặt tại phiên tòa.
Nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.
 3. Ông Trần Xuân H2, sinh năm 1958; có mặt tại phiên tòa.
Nơi cư trú: Xóm E, thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.
 4. Bà Phạm Thị Mỹ D1, sinh năm 1998; vắng mặt tại phiên tòa.
Nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.
 5. Ông Phạm Ngọc H3, sinh năm 2003; vắng mặt tại phiên tòa.
Nơi cư trú: Tổ dân phố C, Phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.
 6. Ông Đào Hoàng N, sinh năm 1983; có mặt tại phiên tòa.
Nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.
 7. Ông Đào Đ, sinh năm 1989; vắng mặt tại phiên tòa.
Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.
 8. Bà Trần Thị Thùy T, sinh năm 1988; vắng mặt tại phiên tòa.
Nơi cư trú: Tổ I, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
 9. Ông Trần Văn S2, sinh năm 1985; có mặt tại phiên tòa.
Nơi cư trú: Xóm E, thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.
 10. Bà Lê Thị H4, sinh năm 1980; vắng mặt tại phiên tòa.
Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.
 11. Ông Võ Văn T1, sinh năm 1987; vắng mặt tại phiên tòa.
Nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.
 12. Ông Mai Thanh S3, sinh năm 1971; vắng mặt tại phiên tòa.
Nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.
 13. Bà Phạm Thị Kim T2, sinh năm 1980; vắng mặt tại phiên tòa.
Nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.
 14. Ông Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1975; có mặt tại phiên tòa.
Nơi cư trú: Tổ dân phố D, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.
- Người làm chứng:
1. Bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1983; vắng mặt tại phiên tòa.
Nơi cư trú: Thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
 2. Ông Trần Đức L, sinh năm 1982; vắng mặt tại phiên tòa.
Nơi cư trú: Thôn B, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Ông Nguyễn Thành L1, sinh năm 1995; có mặt tại phiên tòa.

Nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 6 năm 2022, Nguyễn Thị Q và bà Nguyễn Trần Thanh D gặp nhau tại Thành phố Hồ Chí Minh và quen biết nhau. Tại đây, Q sử dụng tên giả là Phạm Thị Mỹ D1 làm nghề môi giới bất động sản.

Giữa tháng 07 năm 2022, Q biết bà Nguyễn Trần Thanh D muốn đầu tư kinh doanh bất động sản nên Q nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà D. Để thực hiện, Q đăng ký zalo tên “Mỹ Duyên Nhà Đất” và zalo tên “Hải Bất Động Sản D2” để liên lạc, nhắn tin với bà D. Khi sử dụng zalo tên “Mỹ Duyên Nhà Đất” để liên lạc, nhắn tin với bà D thì Q sử dụng tên giả là Phạm Thị Mỹ D1; còn khi sử dụng zalo tên “Hải Bất Động Sản D2” để nhắn tin với bà D1 thì Q sử dụng tên giả là H3, nhân viên nhà đất M. Sau đó, Q cung cấp thông tin giả về việc Thi hành án tỉnh Đắk Lắk có bán 02 lô đất thanh lý và yêu cầu bà D1 chuyển tiền để đặt cọc mua đất, bán lại kiếm lời. Từ cuối tháng 07 năm 2022 đến tháng 08 năm 2022, bà D1 tin tưởng là thật nên đã chuyển tiền cho Q nhiều lần với tổng số tiền 1.000.000.000 đồng vào các số tài khoản: 777111114567, 200339796789 ngân hàng MB của Phạm Ngọc H3, để góp tiền mua đất. Số tiền chiếm đoạt được, Q đã tiêu xài cá nhân và đầu tư kinh doanh trên mạng hết.

Cũng trong tháng 8 năm 2022, Q còn cung cấp thông tin giả về việc có người nhà đang điều trị bệnh tại Singapore để mượn tiền của bà D1. Do tin tưởng là thật nên bà D1 tiếp tục chuyển tiền cho Q mượn nhiều lần với tổng số tiền 180.000.000 đồng vào các số tài khoản là: 200339796789 ngân hàng MB của Phạm Ngọc H3, 1330331 ngân hàng A của Nguyễn Thành L1 (Là con rể của Q) và 1022507109 ngân hàng V của Phạm Thị Mỹ D1 (Là con ruột của Q). Số tiền chiếm đoạt được, Q đã tiêu xài cá nhân và đầu tư kinh doanh trên mạng hết.

Kết quả trả lời của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk và các đơn vị có liên quan xác định: Nguyễn Thị Q không mua, đấu giá thửa đất nào trên địa bàn tỉnh tỉnh Đắk Lắk (Bút lục 66, 68).

* Kết luận giám định tư pháp: Tại Bản kết luận giám định số 393/KL - KTHS ngày 09/5/2023 của Phòng K Công an tỉnh Q, kết luận như sau:

“- Toàn bộ các chữ viết, bao gồm cả phần chữ viết ghi họ và tên “Nguyễn Thị Q” trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A4) (trừ phần chữ ký, chữ viết “Lê Thị H4” trên tài liệu A1; chữ ký, chữ viết “Trần Thị Thùy T” trên tài liệu A2 và chữ ký, chữ viết “Người làm chứng – Trần Đức L’ trên tài liệu A4) với chữ viết của Nguyễn Thị Q trên các “BẢN TỰ KHAI/BẢN TUỜNG TRÌNH” của tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2) là do cùng một người viết ra.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKSQNG-P1 ngày 13/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố Nguyễn Thị Quỳnh về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Q từ 08 năm đến 09 năm tù.

Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động, màu xanh đen, đã qua sử dụng, tình trạng bên trong máy chưa kiểm tra, hiệu Mobell, số IMEI 810033600191330, không lắp thẻ sim; 01 (một) điện thoại di động, màu đen, đã qua sử dụng, tình trạng bên trong máy chưa kiểm tra, hiệu Galaxy A21, số IMEI1: (khe 1) 353996323766958, IMEI (khe 2) 354281943766954, máy có gắn thẻ sim số +84981936849, +84989744531; 01 (một) điện thoại OPPO màu đỏ, số IMEI1: 865720044397211, IMEI2: 865720044397203, đã qua sử dụng, không lắp thẻ sim, không kiểm tra tình trạng bên trong máy. Đây là công cụ, phương tiện bị cáo Nguyễn Thị Q sử dụng thực hiện hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện giữa bị cáo Nguyễn Thị Q và người bị hại bà Nguyễn Trần Thanh D tại phiên tòa sơ thẩm.

Phát biểu của Luật sư Phan Thị Bích X bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Q: Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Nguyễn Thị Q về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại và tại phiên tòa người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo và người bị hại cũng thỏa thuận được về phần bồi thường dân sự; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Q từ 07 đến 08 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định.

[3] Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T1 và người làm chứng ông Trần Đức L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào S, ông Đào Minh S1, bà Phạm Thị Mỹ D1, ông Phạm Ngọc H3, ông Đào Đ, bà Trần Thị Thùy T, bà Lê Thị H4, ông Mai Thanh S3, bà Phạm Thị Kim T2 và người làm chứng bà Nguyễn Thị H5 đã được triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ các Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử.

[4] Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Q:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở xác định trong khoảng thời gian từ giữa tháng 7 năm 2022 đến tháng 8/2022, vì cần tiền tiêu xài cá nhân và đầu tư kinh doanh trên mạng mà Nguyễn Thị Q đã đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt của bà Nguyễn Trần Thanh D tổng số tiền là 1.180.000.000 đồng, cụ thể:

Lần thứ 1: Giữa tháng 7/2022, Q biết bà Nguyễn Trần Thanh D muốn đầu tư kinh doanh bất động sản nên Q nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà D; để tạo lòng tin cho bà D, Q đăng ký zalo tên “Mỹ Duyên Nhà Đất” và sử dụng tên giả là Phạm Thị Mỹ D1 để liên lạc với bà D1; ngoài ra, còn sử dụng zalo tên “Hải Bất Động Sản D2” và sử dụng tên giả là H3, nhân viên nhà đất Mỹ Duyên để liên lạc với bà D1; Q đưa ra thông tin giả cho bà D1 về việc thi hành án tỉnh Đắk Lắk có bán 02 lô đất thanh lý và yêu cầu bà D1 chuyển tiền để đặt cọc mua đất bán kiếm lời. Bà D1 tin tưởng nên đã chuyển tiền cho bị cáo Q nhiều lần, với tổng số tiền 1.000.000.000 đồng, sau khi nhận tiền bị cáo Q đã sử dụng tiêu xài cá nhân và đầu tư kinh doanh trên mạng toàn bộ số tiền chiếm đoạt của bà D1.

Lần thứ 2: Trong tháng 8/2022, Q đưa ra thông tin giả cho bà D1 về việc người nhà đang điều trị bệnh tại Singapore để mượn tiền của bà D1, bà D1 tưởng thật nên đã chuyển cho bị cáo Q số tiền 180.000.000 đồng, sau khi nhận tiền bị cáo Q đã sử dụng tiêu xài cá nhân và đầu tư kinh doanh trên mạng toàn bộ số tiền chiếm đoạt của bà D1.

[5] Bị cáo Nguyễn Thị Q là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, nhưng vì cần tiền tiêu xài cá nhân và đầu tư kinh doanh trên mạng nên bị cáo đã đưa ra nhiều thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo

Nguyễn Thị Q về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, làm mất trật tự trị an, gây bức xúc và hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm để trừng trị, giáo dục bị cáo và mang tính răn đe, phòng ngừa chung.

[7] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Q: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo; tác động gia đình bồi thường cho người bị hại số tiền 30.000.000 đồng và tại phiên tòa sơ thẩm người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự được áp dụng cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo Nguyễn Thị Q có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo với mức hình phạt dưới mức thấp của khung hình phạt được áp dụng nhưng trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật.

[8] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Q: Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và mỗi lần đều đủ định lượng cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do đó, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[9] Trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị Q đã chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Trần Thanh D số tiền là 1.180.000.000 đồng. Gia đình bị cáo Nguyễn Thị Q đã trả lại cho bà Nguyễn Trần Thanh D số tiền 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Q và người bị hại bà Nguyễn Trần Thanh D thỏa thuận bị cáo Q sẽ trả cho người bị hại bà D mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền còn lại là 1.150.000.000 đồng, thời hạn trả tính từ tháng 6/2024. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Thị Q và người bị hại bà Nguyễn Trần Thanh D.

[10] Những vấn đề liên quan:

- Ông Đào S tố cáo bị cáo Q lừa đảo chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng của ông thông qua nhận tiền để giúp chuyển mục đích sử dụng đất.

Kết quả điều tra, xác minh: Tháng 12 năm 2020, ông Đào S và Q thỏa thuận, thống nhất giá môi giới chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất ở 100m² đối với thửa đất số 1763, tờ bản đồ số 12, diện tích 499,3m, địa chỉ xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi với số tiền 70.000.000 đồng trong thời gian là 60 ngày. Sau đó, ông S đưa trước cho Q tổng cộng số tiền 30.000.000 đồng (Lần 1 là 20.000.000 đồng, lần 2 là 10.000.000 đồng). Q đã liên hệ nhờ ông Đào Đồng n hồ sơ đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất. Đến thời hạn 60 ngày, Q vẫn chưa chuyển mục đích sử dụng đất được nên ông S yêu cầu Q trả lại tiền. Ông S biết Q không có chức năng tiếp nhận hồ sơ, giải quyết việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tuy nhiên ông S vẫn đưa tiền cho Q để nhờ môi giới chuyển đổi mục đích

sử dụng đất. Bên cạnh đó, Q có liên hệ với người khác để nhờ chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhưng chưa được. Do đó, việc tố giác của ông S là không có hành vi phạm tội, mà đây là giao dịch dân sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q không xem xét là có căn cứ.

- Ông Trần Xuân H2 tố cáo Nguyễn Thị Q lừa đảo chiếm đoạt số tiền 150.000.000 đồng thông qua nhận tiền để giúp chuyển mục đích sử dụng đất.

Kết quả điều tra, xác minh: Tháng 10/2019, gia đình ông H2 liên hệ với Q nhờ môi giới chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất ở đối với thửa đất số 236, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.888m, địa chỉ thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Tháng 11/2019, Q nhờ bà Lê Thị H4 (Nhân viên Ủy ban nhân dân xã N) môi giới chuyển mục đích sử dụng đất đối với thửa đất này. Sau đó, gia đình ông H2 thỏa thuận, thống nhất với bà H4 và Q chi phí chuyển mục đích sử dụng đất với tổng số tiền là 550.000.000 đồng. Gia đình ông H2 đưa trước cho bà H4 và Q với tổng số tiền là 150.000.000 đồng (trong đó: lần 1 là 100.000.000 đồng, lần 2 là 50.000.000 đồng; số tiền này do bà H4 cất giữ). Bà H4 và Q đã liên hệ với ông Võ Văn T1 (Cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q Chi nhánh huyện T) và sau đó tiếp tục nhờ ông Mai Thanh S3 (Cán bộ địa chính xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi) chuyển mục đích sử dụng đất nhưng đều không được.

Bà H4 đã đưa cho Q số tiền 150.000.000 đồng đã nhận trước đó của gia đình ông H2 để trả lại cho gia đình ông H2, tuy nhiên, Q chỉ trả lại cho ông H2 số tiền 70.000.000 đồng, số tiền còn lại Q đã tiêu xài cá nhân hết. Quá trình điều tra xác minh, bà H4 tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho ông H2 thay Q với số tiền 20.000.000 đồng. Đến nay, ông H2 yêu cầu Q trả lại số tiền còn thiếu là 60.000.000 đồng.

Ông H2 biết Q và bà H4 không có chức năng tiếp nhận hồ sơ, giải quyết việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhưng vẫn đưa tiền cho Q và bà H4 để nhờ môi giới chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Q và bà H4 có liên hệ với người khác để nhờ chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Bên cạnh đó, Q và bà H4 có liên hệ với người khác để nhờ chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhưng không được và Q đã trả lại một phần tiền cho ông H2. Do đó, việc tố giác của ông H2 là không có hành vi phạm tội mà đây là giao dịch dân sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q không xem xét là có căn cứ.

[11] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động, màu xanh đen, đã qua sử dụng, tình trạng bên trong máy chưa kiểm tra, hiệu Mobell, số IMEI 810033600191330, không lắp thẻ sim; 01 (một) điện thoại di động, màu đen, đã qua sử dụng, tình trạng bên trong máy chưa kiểm tra, hiệu Galaxy A21, số IMEI1: (khe 1) 353996323766958, IMEI (khe 2) 354281943766954, máy có gắn thẻ sim số +84981936849, +84989744531; 01 (một) điện thoại OPPO màu đỏ, số IMEI1: 865720044397211, IMEI2: 865720044397203, đã qua sử dụng, không lắp thẻ sim, không kiểm tra tình trạng bên trong máy; 03 điện thoại di động này bị cáo Nguyễn

Thị Q sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[12] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Q được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về án phí:

- Bị cáo Nguyễn Thị Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.
- Bị cáo Nguyễn Thị Q phải chịu 46.500.000 đồng [36.000.000 đồng + (350.000.000 đồng x 0,3%)] án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Q phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Q 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam (17/02/2023).

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự;

- Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Thị Q và người bị hại bà Nguyễn Trần Thanh D, buộc bị cáo Nguyễn Thị Q phải chịu trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Trần Thanh D số tiền 1.150.000.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng), định kỳ mỗi tháng trả 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), thời hạn trả kể từ tháng 6/2024 cho đến khi trả xong số tiền 1.150.000.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi suất theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chậm thi hành án, cho đến khi thi hành xong bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3] Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động, màu xanh đen, đã qua sử dụng, tình trạng bên trong máy chưa kiểm tra, hiệu Mobell, số IMEI 810033600191330, không lắp thẻ sim; 01 (một) điện thoại di động, màu đen, đã qua sử dụng, tình trạng bên trong máy chưa kiểm tra, hiệu Galaxy A21, số IMEI1: (khe 1) 353996323766958, IMEI (khe 2) 354281943766954, máy có gắn thẻ sim số +84981936849, +84989744531; 01 (một) điện thoại OPPO màu đỏ, số IMEI1: 865720044397211, IMEI2: 865720044397203, đã qua sử dụng, không lắp thẻ sim, không kiểm tra tình trạng bên trong máy.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/4/2024 giữa Công an tỉnh Quảng Ngãi và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi).

[4] Về án phí: Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Bị cáo Nguyễn Thị Q phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 46.500.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Án sơ thẩm xử công khai, bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Mỹ Giang